



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Muốn biết :

ai đốt nhà ?
ai giết hại đồng bào ?

Hãy đón đọc :

MẬU THÂN KHÓI LỬA
và Truy điệu **Martin Luther King**

trong **Đồng-Nai Văn-Tập**
những số tới

同奈文集



Thơ từ và bài vở, xin đề : **Ông An Cư**

393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo

SAIGON
Librairie **KHAI-TRÍ**
62, Bd. Lê Lợi, SAIGON

Giá nhứt định : 20\$

1007V
AP95
V6D678

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

năm thứ ba

nguyệt - san

quyển **16**

chủ nhiệm kiêm chủ bút : **an cư**

sơ nam

VỀ QUÊ TÌM CỔ TÍCH
tiểu luận



Bộ mới : số **5**

15 tháng 3 năm 1968



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

TRONG TẬP 16 :

Số trang

3	về quê tìm cổ tích	<i>sơn nam</i>
13	đất nước buồn theo tiếng võng đưa	<i>long điền</i>
19	nhận định	<i>lê duy tâm</i>
32	vài lời ngỏ cùng bạn đọc	<i>an cư</i>

— giấy phép số 3974 TBTCH/BC I đề ngày 11/9/1967
— kiểm duyệt số 085 đề ngày 27/3/1968 (Nha Báo Chí)

**Bài vở đều qua sự chọn lọc
của ông AN CƯ**

giảng viên Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm Cần thơ

TIỆM TƯƠNG TỬ HÒA

93, đường Chu văn An (Chợ lớn)

- ★ Tiệm tương nổi tiếng nhưt miền Nam và miền Trung Việt nam
- Biến chế hợp vệ sinh
- ⊗ Có bán sỉ và lẻ đủ thứ nước tương, chao, tương ớt, củ kiệu hảo hạng

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt - san

phát-huy văn-hóa dân-tộc

xuất-bản mỗi tháng vào ngày 15

năm thứ ba quyền **16**

ĐẶC BIỆT

— Về quê tìm cổ tích

khảo luận của SƠN NAM

nhóm đồng-nai xuất-bản

Bộ mới : số **5**



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Nhà Hàng

KIM-LONG

51-53, đại lộ Tổng-đốc Phương (CHỢ-LỚN)

Điện-thoại : số 37.389

15 NĂM NỔI TIẾNG VỀ THỰC-ĐƠN QUẢNG-ĐÔNG

- Lãnh tiệc đám cưới
- Phòng sạch-sẽ, rộng-rãi
- Tiếp-đãi lịch-sự, châu-đáo.

Hãy đọc và cổ động

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt-san

VỀ QUÊ TÌM CỒ TÍCH

Khảo luận của SƠN-NAM

Một quyển sách cũ, bán bên lề đường. Tài liệu của Hội Quốc-Liên, tiền thân của Liên Hiệp Quốc, trước đệ nhị thế chiến. Hội này đề cử một Ủy ban để điều tra về nạn mãi dâm, nạn bán mồi, vào năm 1932, ở Á Châu. Sách in năm 1933, nghĩa là 34 năm rồi, in sạch sẽ, giấy tốt, chưa bị một ăn. Mục lục ghi trang 514 vài chi tiết về nạn mãi dâm thời xưa tại Việt-Nam, vài chục hàng một trường hợp xảy ra tại Hải-Phòng, năm 1922. Bốn mươi lăm năm rồi, nửa thế kỷ. Thời ấy, người Việt-Nam ta được hội Quốc-Liên, gọi là người An-na-mit. Các ông trong ủy ban điều tra nạn mãi dâm và buôn mồi đã gặp tại Hà-Nội một nữ nhân chứng. Nhân chứng cho biết hồi 18 tuổi, cô làm quen với một người đàn bà độ 40 tuổi, người này rủ cô xuống thuyền, qua bên kia biên giới, thuộc phần đất Tàu để mua cau khô đem bán lại, mua với giá rẻ. Cô nhận lời, và suốt ngày chiếc thuyền không tới bờ tới bến nào cả, người đàn bà bảo rằng đã lạc đường, bà đang cho thuyền trở về bến cũ. Đêm đến, thiếu nữ ngủ say, mệt mỏi ? Nhưng hồi oi, khi nghe tiếng động chột thức giấc thì cô thấy mình bị trói, bốn người Tàu lực lưỡng hươi dao, hăm dọa giết nếu cô kêu cứu.

Thuyền ghé vào bờ, bọn chúng đưa cô vào hang đá, trong đó nằm thiếu nữ Việt-Nam khác ngồi sẵn cũng bị trói. Rồi thì linh đình suốt 9 đêm dài trên mặt biển, ban ngày lên bờ ăn lãnh, ban đêm lại xuống thuyền. Đến trạm chót,

cả bọn đi bộ chừng vài tiếng đồng hồ, đến một xóm tên là Vi Soung Tong. Và thiếu nữ nói trên trở thành món hàng, bán với giá là 236 « đô la Tàu » cho một thổ hào, hẳn đưa cô về xóm Phong Thong, thuộc tỉnh Quảng Đông. Người này ở với cô như tình chồng vợ, đối xử tử tế. Năm sau cô hạ sanh một con nhưng là con gái, ngoài ý muốn của người chồng. Anh ta chỉ muốn có con trai để nối dõi tông đường. Vì vậy, đưa con gái sơ sanh bị anh ta siết cổ chết. Biết phận mình là vậy, thiếu nữ cố gắng dành dụm tiền bạc rồi trốn thoát về Mong Cai, trở lại gia đình, sau bảy năm làm vợ nơi đất khách! Có khai thêm: lúc ở bên Tàu, cô gặp nhiều người đàn bà và trẻ con Việt-Nam bị bắt, đem bán cho người Tàu.

Cô đã nghe hai người Tàu họ than phiền về một chuyến buôn thất bại. Thuyền ra giữa biển, bị tàu tuần của sở Thương chánh Pháp truy nã, họ đành quăng tất cả số hàng hóa xuống biển để phi tang: đó là hơn 10 người đàn bà con gái Việt-Nam bị chúng bắt cóc từ Việt-Nam. Lại còn gia đình nọ bị bắt cóc, gồm người mẹ, một đứa con trai, một đứa con gái. Mẹ và mỗi con bị bán cho từng chủ riêng rẽ.

Ủy ban điều tra của hội Quốc-Liên ghi chép vài tài liệu khác như luật lệ nghiêm cấm việc mua bán mọi ở Đông-Phương, qui chế về cách tổ chức nhà nuôi gái mãi dâm; vài trường hợp trừng phạt: chừng hai năm tù đối với một mẹ tù bắt gái Việt-Nam đem bán bên Tàu, bị bắt quả tang. Mẹ này trên 40 tuổi, các nạn nhân Việt-Nam đều mặc áo xam để che mắt nhà cầm quyền vân-vân...

Tài liệu quá xưa, trở thành lỗi thời chăng? Thử liếc qua các tin đăng tải trên nhật báo năm 1967 này, mỗi ngày có bao nhiêu tin tức sôi động hơn — về nạn du đảng, về nạn mãi dâm, với xe rượt nhau, với súng nổ, những vụ tử tử vì tình, thiếu phụ bốn năm con mà còn mê tiền bỏ gia đình. Và những xác trôi trên sông mà thông tin viên các

nhật báo đặt giả thuyết: vì tình, vì ghen. Ngoại kiều cũng cao hứng tự tử.

Đọc trang giấy kia để làm gì? Nó chỉ xứng đáng nằm trong kệ, trong hộc của thư viện. Chỉ đáng ghé mắt đến khi cần tìm tài liệu làm luận án về xã hội học. Không thiết thực cho cuộc sống hiện tại, không đem lại tiền bạc và chẳng giải quyết « được cái gì cả »!

Tuy nhiên, biết vẫn hơn không biết, không ích lợi trực tiếp thì cũng ích lợi gián tiếp. Tài liệu vừa kể giúp phần nào cho chúng ta hiểu cái thân phận nhược tiểu, cái hoàn cảnh chậm tiến. Thuở ấy, người ta chưa dùng các thành ngữ trên chỉ gọi là thuộc địa. Ngày nào đó, khi cần đến thì để gì tra cứu được. Nên gìn giữ những gì xa xưa, những gì dính dáng đến nỗi vui buồn của đất nước này. Truy cổ, nghiệm kim. Nhưng đừng như người ta đang có xu hướng chối bỏ những gì « cổ ». Biến chuyển của thế giới ngày nay đi theo một qui luật riêng, chưa rõ rệt mà các nhà triết học chạy theo không kịp. Người thì bảo là bước tiến, là sự lột xác, kẻ thì cho là nguy cơ trầm trọng. Tiến tới, tiến về phía cái miệng hố sâu thẳm của kỹ thuật dường như là đồng nghĩa với thối lùi. Vì tiến hay thối đều là chết, là bóng tối. Ngày xưa, năm 1932, là cái thuở thanh bình dưới thời Pháp thuộc. Và năm nay, năm 1967, là thời chiến tranh. Cái thanh bình hồi năm 1932 được thưởng thức qua hai khía cạnh. Nếu làm cách mạng kháng Pháp như các liệt sĩ thì thuở ấy quả là chẳng thái bình gì ráo. Các chiến sĩ lên grom máy, ra Côn đảo, hoặc ẩn lánh ở thôn quê, ra ngoại quốc. Tuy nhiên vài văn thi sĩ và những người thuộc lứa tuổi 50 lại mô tả thời xa xưa ấy như một cõi đẹp với tiếng sáo diều, cô gái quê bên cầu ao, với tục lệ đình đám cổ truyền, hội chùa, tiếng trống trường làng, hát bội. Họ nức tiếc cái thuở thanh bình ấy. Và để giải thích tại sao thực dân Pháp cai trị; đàn áp cách mạng mà khung cảnh nước nhà còn sót lại về đẹp dân tộc, người ta điều chỉnh danh từ, gọi thời Pháp thuộc là thứ

« thanh bình » hoặc « hòa bình bạo động ». Bảo rằng chế độ thời ấy là đẹp, là dễ chịu thì quá đáng — mặc dầu nó chứa đựng nhiều khung cảnh đẹp, ở nông thôn. Và những thi sĩ ca ngợi vẻ đẹp nông thôn chưa hẳn là nằm trong tháp ngà, quên hiện tại của đất nước. Thuở ấy bộ mặt nông thôn chưa biến đổi nhiều, thực dân Pháp tập trung khả năng để phá phách tận nông thôn chừa lại cái đình làng xôi thịt, chúng phá phách đến mức nào đó, tưởng là đủ rồi, tưởng là đập tan rồi nhưng mặt nước vẫn là mặt nước với những mảng bèo trôi lơ lửng trong ao tù.

Văn hóa là cái gì? Tâm hồn con người là cái gì? Có người phân tích để đi đến kết luận là không thấy cái gì huyền bí, nói đúng hơn, chỉ thấy vài kiểu máy gồm những dây thần kinh, điều khiển động tác, chuyển đạt những hình ảnh, gây phản ứng. Thí dụ như làm mệt mỏi thần kinh khi cho dương sự nhìn màu đỏ chói. Và muốn trấn an tâm thần thì cho họ sống trong những bức tường màu xanh, nghe nhạc êm dịu. Vai trò của văn hóa cổ-truyền của lịch sử bị sụp đổ trước văn minh cơ khí, trước đồng tiền, vì đồng tiền tạo ra những thói ăn nết ở mới. Người lùn Pygné ở Phi-Châu sống trong tình trạng ăn lông ở lỗ, đàn bà nai cõn sau lưng, cứ sáng sớm là ra rừng — như nông dân ra ruộng — vồn vện với khúc cây để đào xới khoai củ, bắt côn trùng, bắt con mối mà ăn, ấy thế mà họ sung sướng lên khi được tặng những cây dao bằng thép, những cái chén bằng nhôm. Ai cũng như ai, đôi ăn khát uống. Lịch sử Việt-Nam có gì đặc sắc so với Ai-Cập, người Tàu, người Ấn-Độ? nếu căn cứ vào di-tích, vào những gì mà ngày nay còn chụp ảnh được, đọc được. Triết-lý Việt-Nam thiếu phần độc đáo, hỗn-hợp Tam-giáo, muốn nghiên cứu thì nên qua Trung-Hoa, Ấn-Độ, nhìn Hy-Mã-Lạp-Sơn, Tây-Tạng hoặc rừng núi tỉnh Sơn-Đông, dòng sông Hoàng-Hà, Dương-Tử. Người Việt-Nam chỉ có tài mô phỏng vụng về, vài hình thức văn hóa. Người Tây-Phương, với tinh cảm lãng mạn, với lòng yêu mến thiên nhiên đã hăm hở xuống thuyền để vượt đại dương, tìm chân

trời mới, tìm văn hóa xa lạ, xa lạ đối với họ. Nhà thám hiểm và thương-gia đi trước, vào thế kỷ thứ 18, những đội binh viễn chinh theo sau. Đến vùng đất miền gió mùa, họ tập tành làm văn sĩ, làm nhà khảo cổ. Bao nhiêu đề tài hiện ra trước mắt, cứ viết, cứ chụp ảnh, cứ khảo sát là gây được dư luận, trở thành văn nghệ sĩ « ăn khách », « giựt gân », giúp vui cho đồng bào họ ở chánh quốc một vài trống canh, khiến người ở chánh quốc sung sướng với sự mạng văn hóa. Người Tây-Phương bắt đầu làm quen với nhiều địa danh, nhiều thiên đường mới : những điệu vũ ở Ba-Lê, Nam-Dương, nghi lễ uống trà ở Nhật, những đèn đài ở Đê-Thiên Đê-Thích, tiếng nói của đá Kim-Tự-Tháp, những đồ gốm Càn-Long hoặc đồ đồng đời Trụ mề Đắc-Kỷ, kho tàng chứa mọi ở Mê-Tây-Cơ, Nam-Mỹ-Châu. Những người giàu thiện chí, giàu lòng hơn đạo nằm nhà ở Tây-phương, đạo ấy như đứng đưng, sống êm ấm, có vài phản ứng xót thương không đáng kể đối với thế giới nhược tiểu. Chuyện xa, ở Đông-Á thì đã đành. Đến như chuyện buôn người ở Phi-Châu, dường như họ không thấy lương tâm cắn rứt cho lắm. Riêng về dải đất Đông-Dương này thì quyền ưu tiên dành cho Đê-Thiên Đê-Thích, nghệ-thuật Chiêm-Thành, hoặc cảnh đồng rẫy rác những cái chum bằng đá ở Lèo. Người Việt-Nam thuộc vào hàng tầm thường về văn hóa tuy trụ sở hành chánh của toàn xứ Đông Pháp đặt tại Hà-Nội và trụ sở thứ nhì là Sài Gòn. Thực dân theo dõi sinh hoạt và văn hóa người Thượng ở Cao-Nguyên Trung-Phần, vì lý do chánh-trị, chiến lược vì dưới mắt họ, người Thượng này là người thổ dân ở vài hải đảo Nam-Dương không gì là độc nhất vô nhị. Người thiểu số Mán Mèo Thái ở vùng Cao-Bằng cũng thế, chỉ là nhánh nhóc của những nhóm người từ rừng núi Vân-Nam, bên Tàu. Trong việc sưu tầm văn hóa, người Pháp đã tặng cho người Việt vài lời khen, an ủi : hồ Hoàn-Kiểm, sọ người Hòa-Bình, trống đồng Thanh-Hóa, lăng tẩm Huế, tượng của nhà sư Minh-Hạnh, chùa Thiên-Mụ. Trước khi rút lui người Pháp không quên phát giác cho giới khảo cổ biết thêm về đồng bằng

sông Cửu-Long với văn hóa cổ xưa Phù-Nam, ở Ba-Thê, với vài đồng tiền vàng đúc từ La-mã.

Thật nghèo nàn, vài tập tục lai căn, hoàn toàn vay mượn, với pháo, múa lân, tết Trung-Thu, với bùa phép. Khi tổng kết văn hóa Á-Châu, người Tây-Phương nói rất ít về Việt-Nam hoặc không nói tới với lý do : chuyện đá Vọng-Phu là mô phỏng theo Tàu, con Tấm con Cám là chuyện Ấn-Độ, hát đối đáp đã xuất hiện ở Mã-Lai, ở Cao-Miên. Vua chúa nhà Nguyễn rước thầy phong thủy từ Trung-Hoa đến, đạo Phật ở Việt-Nam là do Pháp sư Tàu, Ấn-Độ dịch thân đến truyền giáo. Cây cỏ, thú vật, hạt lúa... đều là những món có rải rác ở Á-Đông. Một vùng nhiệt đới hơi nhàm. Đôi khi, người ta tóm tắt trong vài hàng khoảng thời gian từ đời Hùng-Vương đến đầu nhà Nguyễn, để bắt qua giai-đoạn cận đại khi tiếp xúc với Tây-Phương.

Tuy nhiên, các nhà khảo cứu hơi lúng túng khi giải thích không rành rọt tại sao người Việt-Nam không bị đồng hóa với Trung-Hoa, đánh thắng được quân Mông-Cổ, quân Minh. Họ tạm nhìn nhận rằng dân Việt có sức sống không mạnh cho lắm vì nếu mạnh thì người Pháp đã bị đánh hất rồi. Suốt thời gian đô hộ, người Pháp duy trì quan niệm tự tôn khi họ mua chuộc được một số quân lại, tay sai đắc lực. Họ muốn thương hại người dân Việt nhỏ bé, như mẹ thương con, nếu thiếu mẫu quốc thì nước Việt vẫn hoang-vu, với đa số « mù chữ », đàn ông đàn bà đều để tóc ăn trầu, đàn ông là nhà quê, đàn bà là Thị Ba Thị Tư, ưa uống rượu, mê tín, điếm đáng than phiền nhất là người Việt ưa ăn cắp vặt, thiếu thành thật, che dấu tình cảm (hypocrite), trước mặt thì đóng kịch sợ hãi, sau lưng thì chửi thề. Đúng là tâm lý của bọn cu-li. Người Việt-Nam đi du học bên Pháp dễ bị lầm là người Tàu. Có người Pháp lại nhớ mang máng rằng ở cõi Á-Đông, có hòn ngọc Viễn-Đông là Sài-gòn, Sài-gòn ở gần Hong-Kong, Thượng-Hải, từ nơi này cứ đi xe hơi vài tiếng đồng hồ là đến nơi kia.

Người ta ngạc nhiên khi thấy người Việt-Nam làm được chuyện lớn là đánh thực dân Pháp, đánh với tinh-thần bền bỉ, với trình độ khoa học, với lòng yêu nước gần như ít dân tộc nhược tiểu nào có ? Nếu người Việt đánh thắng, chỉ đánh thắng một trận ngoạn mục thì là chuyện cầu may, như tình cờ trúng số độc đắc. Nhưng lịch sử hồi 1945 là thứ một lịch sử dài, nào phải là chuyện cầu may, vì người Việt-Nam tiến từ thấp đến cao, « trong khoảng thời gian ngắn », và giờ đây, họ đang chịu đựng đùm đau thương chó nhân loại.

Ông Nguyễn-Trãi, trong Bình-Ngô Đại-Cáo, nhắc đến :
Nước Đại Việt ta

Nền văn hiến cũ

Non nước cõi bờ đã khác

Bắc Nam phong tục vẫn riêng

Cơ đồ dựng trải Triệu Đinh Lý Trần...

cho nên :

— Lưu Cung tham công mà phải thua

Triệu Tiết muốn lớn càng mau mất

Toa Đô đã bị bắt ở cửa Hàm-Tử

Ô Mã phải chết ở sông Bạch-Đằng.

để xác nhận người Việt-Nam và người phương Bắc là Trung-Hoa « cõi bờ đã khác, phong tục vẫn riêng ». Nền văn hiến cũ, đối với ông là động lực khiến người Việt thâm nhiều chiến thắng quyết định, vạch rõ cõi bờ. Ông Nguyễn Trãi không nói rõ người Việt-Nam mang cá tính, phong-tục riêng rẽ cụ thể như thế nào, như cách ăn uống, cách cưới hỏi, cách thức cày ruộng, xây cất nhà cửa, đình chùa. Ông Nguyễn Trãi là nhà thơ. Lòng yêu nước đã gói trọn trong hai tiếng non nước « chắc chỉ thiên hạ đời nay, mà đem non nước làm rầy chiêm bao ». Non nước là chuyện non nước, là sức mạnh làm giựt mình thức giấc

những kẻ đang sống trong chiêm bao, cuộc sống ổn-định giả tạo, thoáng qua thời quân Tàu đô hộ. Và chính « non nước » đã đánh tan quân Tàu. Non nước là văn hiến cũ, cũ trở thành mới với Lê-Lợi.



Một luận điệu mới : Nói đến sử, nói đến văn hóa cổ truyền là lỗi thời, là chưa thấy hoàn cảnh của hậu bán thế kỷ thứ 20, của nền văn minh phồn thịnh, tràn ngập sản phẩm để tiêu thụ, tiêu thụ cùng một văn với hưởng thụ. Và hưởng thụ không xa với thụ động. Văn hóa, truyền thống văn hóa là chuyện của người chuyên môn. Học sinh giỏi Việt-văn, giỏi về sử địa chưa ắt thi đậu. Muốn thi đậu, người ta nên lo luyện thi Toán-Lý-Hóa, khảo cứu văn hóa chỉ cần thiết và không lằm cằm khi nào nó được dịch ra ngoại ngữ, nó được xem là tài liệu cần thiết cho người ngoại quốc « tìm hiểu » nước Việt-Nam, nghĩa là bán với giá cao, nếu khéo chạy chọt, qua tay trung gian. Bình thường, nó bị xem là lằm cằm vì lý do khác, ngoài lý do tiền bạc. Nói đến văn hóa Việt-Nam, lịch sử Việt-Nam lúc này là « đăm hơi » làm rầy giặc chiêm bao của nhiều người. Chạy gạo hút hơi, thời giờ đâu bàn chuyện văn hóa, trừ phi nghe chuyện văn hóa, giai thoại về dã sử êm ái, muôi mẩn — qua tân nhạc, vọng cổ cải lương — lúc nằm trong tiện nghi vật chất để tìm tiện nghi tinh thần ! Thời chiến ta nên nói vấn đề gì mới ngoài cái văn hiến bốn ngàn năm, cây nêu ngày Tết, cái khăn đóng áo dài và những bộ sử bị một mối găm nhảm. Ngoài truyện Kiều và Lục-Vân-Tiên. Ngoài cái thuyết Tam-Giáo Đồng Nguyên. Các cụ ngày xưa đã làm cho nước này mất cũng vì quá tin vào bốn ngàn năm văn hiến. Thời ấy, người Việt-Nam sống đầy đủ dân-tộc tính, không lai căn, đầy đủ văn hóa cổ-truyền với ông đạo sĩ luyện phép trường sinh, với người nông phu đi cày mồ hôi thánh thót như mưa, với ông vua bài ngoại, xem người Tây-Phương như « quý trắng », với nông thôn tự trị...

Cách mạng năm 1945, 10 năm đánh Pháp. Hay lắm. Toàn dân biết rồi. Bây giờ là khác, từ năm 1954 đến nay. Giai-đoạn sau này đã kéo dài hơn 10 năm và để cho trăm hùng, nên cộng với giai-đoạn trước để gọi là 20 năm tang tóc. Giai-đoạn 1954 đến nay khác hơn giai-đoạn trước ! Người ta bước vào thời kỳ liên lạc địa đê cùng chung hưởng thụ kiểu văn minh sung-túc, với vô tuyến truyền hình, bếp điện, xe gắn máy, thuốc xít muôi, với thân thể đàn bà, với thần tượng mới. Cõi chúng bị thời cuộc đào thải nếu cứ ôm ấp dĩ vãng ! Chúng ta nên đi tiên phong, nói đúng hơn là theo đường lối tiên phong của văn hóa... Pháp, Sưu tâm sử liệu tìm hiểu dân tộc tính là thiện chí, nhưng nên để dành công việc đó cho ngành chuyên môn của UNESCO, cho Asia Foundation, họ dư tiền, có phương pháp khoa học. Nhân loại đang chạy theo nền văn minh mới, hòa đồng, xóa bỏ ranh giới thì mới hiểu nhau vì dân tộc này dính vào dân tộc khác, từ hồi tiền sử. Không quốc gia nhỏ nạo không thiếu nợ, không lãnh viện trợ mà tiến được. Đèn néon chiếu sáng khắp nơi. Đang trừ liệu kế hoạch đề phòng nhân loại đang lâm nạn nhân mãn. Viễn ảnh của bệnh ung-thư. Nên chú tâm vào vấn đề phân tâm học vì con người vốn mang nhiều mặc cảm từ hồi trong bào thai, ai cũng yếu thần kinh. Nếu muốn nhìn về quá khứ thì nên xoay qua khai thác ngành tử vi, so sánh khoa học huyền bí của các nước trên thế giới với ngành... « tử vi dân tộc ». Ngôn ngữ con người đã thay đổi, văn phạm xưa hết thích hợp rồi. Bây giờ là tín hiệu, là biểu tượng. Thời gian ngưng đọng. Quá khứ đã bị cắt đứt, tương lai thì lơ mờ. Âm thịnh dương suy, gần ngày tận thế, thế chiến thứ ba biết đâu nổ ra trong ngày mai, hoặc lát nữa. Con người là con cua, con sên. Quan niệm về giai-cấp đã lỗi thời. Xã hội bây giờ đi đến dung hòa giai cấp, thì dụ như ở các nước kỹ nghệ mạnh. Chánh trị là ngành chuyên môn, dành cho người có bằng cấp về chánh trị học. Thỉnh thoảng, nếu hơi buồn, hơi bất mẩn thì nên kêu lên : ôi què hương đầu thương thành chai đá. Và nguyện cầu Thượng-đế, kêu réo mẹ Việt-Nam. Nếu cảm thấy cô độc thì bạn đã

chạy theo kịp trào lưu thế giới, trong cuộc chuyển mình vĩ đại của thế kỷ sắp tới. Cô độc là bình của tương lai mặc dầu ngày qua ngày, cô độc trở thành bình của quá khứ, như kiều áo, như kiều xe hơi bị phế thải, sau khi ra lò. Giữa năm 1967 nên mua tấm lịch 1968 để treo cho sớm mặc dầu đến đầu năm 1968 thì tấm lịch đã đóng bụi. Đừng ganh tị với các cường quốc rồi chửi rủa họ. Họ đang bị đất, đang phá sản về tinh thần, chơi với bên cạnh cái « hồ sâu-thẳm của tư-tưởng ». Nếu mình « thành thật với mình », mình cũng đi tới một kết luận như họ. Con người gặp nhau, với nụ cười xã giao. Như hai con cá lội trong bồn, có miếng kiến ngăn đôi. Bây giờ, buồn nôn là vừa vì trước sau gì người Việt cũng buồn nôn, luật trời tránh sao cho khỏi. Và tại sao ta không kêu tên các triết-gia Âu-Châu, gọi lên hình ảnh xác thịt của các tài tử Âu-Châu, ngay từ bây giờ, vì chúng ta đã trẻ nãi, dùng vô tuyến truyền hình trẻ nãi, dùng nổi điện, máy giặt quần áo cũng trẻ nãi, thay thần tượng bằng đá bằng thần tượng bằng xương bằng thịt cũng trẻ nãi. Tại sao chưa nhập cảng những bồn tắm cho sớm ?

(Còn tiếp)

SƠN NAM

Trại cưa máy

HƯNG-ĐẠO

**393B, ĐẠI LỘ TRẦN HƯNG-ĐẠO
SAIGON**

— *Làm môi-giới mua bán các thứ gỗ Dầu, Sao, Bông-Lăng*

— **BÁN ĐÒN TAY VÀ VÁN BẰNG LĂNG**

— **CHUYÊN MÔN ĐÓNG THÙNG ĐỦ CỠ**

Đạt nước buồn theo tiếng vông đưa

● Tùy bút của LONG ĐIỀN

Mùa gió lạnh sáng nay đã về làm tôi bất giác nhớ đến những cái Tết ngày xưa. Những cái Tết mà người Việt nam không nghe tiếng súng và không cảm nghĩ được nỗi thống khổ triền miên của một cuộc chiến tranh kéo dài trên dải đất than yêu này.

Hồi ấy, chắc đã hơn hai mươi năm rồi, qua tháng mười một ta, gia đình chúng tôi khăn gói về quê ăn Tết. Chỉ còn ba tôi ở lại Sài Gòn lo làm ăn cho mãi đến chiều ba mươi ông mới đáp xe đò về, không quên mang theo vài ổ bánh mì và vài con vịt quay khô đét.

Một thằng bé con sống lâu ngày bố rọ trong cái thành phố bùng bít, bây giờ được ngắm nhìn những cánh đồng chạy dài xa tít chỉ còn trơ gốc rạ. Lúa đã gặt từ nửa tháng trước.

Sau những ngày làm lụng vất vả, người dân quê đêm đêm trải chiếu ra sân nằm ngược mắt nhìn lên trời đếm sao. Lòng họ bay đi những phiền lo mưa thuận gió hòa mấy tháng trước vẫn vật trong lòng họ. Lúa đã cào, đờ từng đống lớn trong những sân đất nện láng trơn. Giờ đây họ chỉ chờ lúa khô đóng bán chợ các ghe thương hồ.

Người dân quê ngắm trời, ngắm sao, lòng họ không khỏi vui sướng cho một năm được mùa. Họ trông tới Tết cho hả hê những ngày « chân cứng đá mềm ».

Vào những ngày cuối năm, đồng ruộng vắng bóng người nông dân. Những buổi trưa yên tĩnh, trên những tàn cây cao, lá lất phất nhẹ sau những cơn gió hiu hắt thoáng qua. Con chim cu bắt đầu cất tiếng gáy. Ai có nghe con chim cu gáy vào những buổi trưa ở đồng mới thấy lòng mình xao xuyến lạ. Âm thanh gõ nhịp trầm buồn rót vào không gian vô tận một cái gì ray rứt nhớ thương. Nghe tiếng con chim cu kêu, người dân quê mới thấy như mình thương nhớ một cái gì gắn liền với cuộc sống của họ. Người dân quê nhìn những đồng lúa cao chón chớn, đứng ngắm những cánh đồng bao la chạy dài về phía tận chân trời, lòng họ cầu mong mùa Tết mau đến để mang lại cho họ niềm lành. Cho nên người dân quê không ngần ngại ngâm vang :

Cu kêu ba tiếng cu kêu

Trông mau tới Tết dựng nêu ăn chè.

Thì ra chỉ có tiếng con chim cu kêu mới làm cho con người nhớ Tết, nhớ quê hương, nhớ ông bà tổ tiên, nhớ mồ mả ông cha mình. Và từ ấy nếu có ai xa quê hương chắc không khỏi mang tâm trạng của người con gái lầu Ngưng Bích ngày xưa :

Lòng quê theo ngọn mây Tần xa xa.

Tiếng con chim cu đã buồn nhưng chắc nó chưa buồn cho lắm bằng tiếng kéo cà kẻo kẹt của chiếc võng bà tôi đưa tôi ngủ vào những buổi trưa ở đồng quê. Nằm trên võng, giữa một khung cảnh yên tĩnh, tự dưng lòng người cảm thấy một nỗi buồn vô hạn. Nỗi buồn ấy có lẽ phát xuất từ những đơn thanh cứ lặp đi lặp lại. Phụ hòa vào âm thanh ấy, bà tôi lại nói thơ Lục Vân Tiên hay thơ Thầy Thông Chánh. Bà tôi không bao giờ biết ngâm như các bà mẹ miền Bắc hay ru ả ời như cái giọng Hời trầm buồn của các bà mẹ miền Thuận Hóa. Có người nghe không quen, bảo bà tôi hát. Nhưng không. Bà tôi *nói thơ*, một lối ngâm riêng biệt của người dân miền sông Hậu.

Tôi theo thời gian lớn lên và rời bỏ quê hương để đi tìm kiếm sinh nhai. Trong những ngày lặn lội với nợ áo cơm, vào những đêm cô quạnh trên một gác trọ, lòng tôi lúc nào cũng xao xuyến muốn quay về mảnh đất ngày xưa để nghe lại những tiếng nói triu

mến ngày xưa và để nghe lại tiếng kéo cà kẻo kẹt của chiếc võng bằng dây gai. Mặc dầu ngày nay bà tôi đã mất nhưng những âm thanh ấy đã để lại trong lòng tôi tình cảm sâu đậm gắn liền vào đồng bằng sông Cửu.

Có những ngày xa quê hương. Đêm đêm nhìn ánh sao băng hay những ngày sắp Tết, nhìn tuyết rơi ở xứ người, lòng viễn khách không khỏi ngậm ngùi luyến tiếc thời xa xôi ấy. Giữa cảnh phồn hoa của những thành phố Âu châu, chợt kẻ lữ hành nghe từ chiếc ra đờ vang ra một bài vọng cổ. Lòng lại thổn thức lạ. Dòng sông Cửu hiện sáng trở lại trong trí não của người con xa quê hương.

Thì ra những lời lẽ nói thơ của bà tôi, tiếng kéo cà kẻo kẹt của chiếc võng đã gắn liền tôi với đất nước mến thương.

Đất nước buồn theo tiếng võng đưa.

Tiếng võng đưa buồn thật. Nhưng nỗi buồn ấy không làm cho con người đánh mất đi mối tình sâu đậm giữa người với nơi chôn nhau cắt rốn. Đó là tình đất giúp mình sống trên những nẻo đường đất nước mà không thấy bị lạc lõng bơ vơ.

1945

1954

1967

Những chặng đường lịch sử đưa con người V.N. dần dần xa quê hương để rồi một ngày nào đó chen chút vào thành phố này.

Chiến tranh hai mươi năm rồi đã đưa những người chân lấm tay bùn rời bỏ cái cuốc cái cày, rời bỏ mảnh vườn thửa đất, chạy trốn bom đạn, đi vào thành phố với tấm lòng xa mất quê hương. Sống ở thành phố khác hơn sống ở đồng quê. Sống ở thành phố bưng bít, nào có thấy màu xanh của trời, màu xanh của dòng sông và màu xanh lá mạ. Tất cả màu xanh ấy trong hơn hai ngàn năm nay từ khi tổ tiên ta đã theo con chim Lạc định cư ở đồng bằng sông Nhị hà và dần dần tiến về miền Nam với đồng rộng sông dài, tất cả những màu xanh ấy là màu xanh của đất nước, muôn đời vun bồi tình đất mỗi ngày một thêm đậm đà.

Nhưng rồi khói lửa bao trùm vòm trời Việt, che khuất đi màu xanh ấy. Thành phố chỉ còn lại màu vàng vọt héo hắt của những trái hỏa châu đêm đêm lập lòe ở ngoại ô.

Nếu có người ngoại quốc nào đặt chân lên mảnh đất này, anh sẽ thấy sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị. Nông thôn nghèo nàn bao nhiêu thì thành thị giàu sa, lộng lẫy bấy nhiêu, diêm dúa trong màu áo rực rỡ với nhà lầu mọc lên như nấm, xe hơi, xe suzuki, honda, minilambretta và nhiều thứ phung phí khác làm cho dân thành phố càng ngày càng tách xa họ hàng sống ở nhà quê vốn là những người sản xuất nhiều nhất trên con đường kinh tế lúa gạo.

Chiến tranh kéo dài 20 năm và có thể còn kéo dài nữa đã biến tất cả ruộng vườn màu mỡ của vùng lúa miền Nam thành những vùng đất cùi, làm mồi cho những tạc đạn từ trên trời rơi xuống nổ chát chúa. Sau những tiếng nổ long trời lở đất, những người nông dân hứng chịu hậu quả đau thương.

Nhưng thôi nói chi nhiều thêm buồn. Máu chảy ruột mềm.

Nếu nông thôn xơ xác, nghèo nàn, ta trở lại thành phố với một tâm trạng khác. Thành phố như là những hòn đảo lơ lơ đưa dần con người vào những cám dỗ đam mê. Sống trong cảnh chiến tranh, người dân thành phố phây phây với cuộc đời bình an phẳng lặng.

Nghe người ngoại quốc nói mãi đến chiến tranh, người thành phố cảm thấy buồn buồn. Người thành phố tự nghĩ sống trên đất nước mà mù tịt những chuyện đất nước. Họ phải tạo ra cảnh chiến tranh để người ngoài dòm vô bớt đi phần nào sự khinh rẻ. Từ ấy, người thành phố tạo ra tiếng pháo thay cho tiếng súng ngày ngày thi nhau nổ ở những miền đồi núi xa xôi.

Tiếng pháo! Mới có rằm tháng mười, gié lúa bắt đầu đơm sũa thì người thành phố đã đốt pháo rước Tết. Nói người thành phố đốt pháo thì không đúng phải, nên nói trẻ con đốt. Người lớn làm, trẻ con đốt.

Trẻ con thành phố lớn lên, nào có nhìn thấy cảnh tang tóc chiến tranh hay cảnh đồng rộng sông dài, chúng bị bung bít tất cả. Chúng đâu có thấy màu xanh của đất nước, màu xanh của ruộng lúa, màu xanh của dòng sông. Tất cả những gì gắn liền trẻ con thành phố với non sông gấm vóc, đều tiêu tan mất. Thỉnh thoảng trẻ con thành phố vào lớp học nghe nói đến năm 45 là năm toàn dân đứng lên chống Pháp, chúng không cảm được sự hào hùng chói dấy của dân tộc. Hay nghe nói đến năm 54 là năm đất nước bị chia đôi, lòng chúng không ray rút buồn thương nuối tiếc. Chúng đứng đưng sống. Và mới rằm tháng mười chúng đã đốt pháo. Tiếng pháo ấy nhắc người thành phố mau mau lo liệu sắm một cái Tết thịnh soạn.

Ngày xưa, người ta đốt pháo vào những ngày tung bồng lễ hội mang một ý nghĩa linh thiêng. Tiếng pháo nổ, mọi người như cảm thấy có một niềm vui đi vào những ngày năm mới tràn trề hi vọng. Những tràng pháo tung xác đỏ chói trên mặt lộ giữa lúc con lân, con cù nhảy múa theo những điệu võ Tàu. Người dân cảm thấy có một sức mạnh thúc đẩy họ vui tươi lên để gánh vác công việc mới trong năm mới sắp đến. Tất cả phiên muộu đều lắng dịu phần nào.

Ngày nay trẻ thành phố đốt pháo bừa bãi. Đối với chúng, tiếng pháo nghe như tiếng súng và làm cho chúng không bị lạc lõng trong xã hội chiến tranh.

Có người tự hỏi trong lúc đất nước nghèo đói, làm than, ruộng vườn tiêu điều xơ xác, sao lại trẻ con thành phố phung phí tiền bạc một cách vô lối. Bên cạnh thành phố giàu sang phung phí là những xóm định cư của người dân từ nhà quê chạy giặc lên. Một bên lộng lẫy như một bà hoàng ngày xưa, một bên nghèo nàn cảm thấy bơ vơ trong niềm tin hôm nay của đất nước.

Giữa cái hố sâu ấy càng ngày càng chia cách, trẻ con thành phố thân nhiên đốt pháo.

Tiếng con chim cu ngày xưa mất hút theo màu xanh của đất trời. Tiếng con bìm bịp chờ nước lớn cũng vắng bật. Tiếng kéo cà kéo kẹt hòa lẫn với tiếng ru nuôi dưỡng tình yêu trong ca dao

đã chìm lịm trong niềm tủi khổ của ruộng vườn. Tất cả những thứ ấy biến mất, nhường chỗ cho bom đạn mỗi ngày một lan rộng. Giữa lúc khói lửa đang bao trùm cả một vòm trời thân yêu thì trẻ con thành phố thân nhiên đốt pháo trước sự đứng đưng vị kỉ của người dân thành phố vốn chỉ biết lo cho cá nhân mình, không đếm xỉa gì đến những đờnát làm băng hoại xã hội chúng ta.

Văng bật tiếng con chim cu, người dân thành phố đi tìm một câu thơ mới của một nhà thơ nào đó cũng sống lâu năm trong xã hội honda, suzuki này :

Đất nước cười theo tiếng pháo vang.

Thì ra giữa lúc cuộc chiến đến hồi khốc liệt, thành phố vang lên những tiếng pháo, tác giả nghe đâu đây những chuỗi cười dài của những ai mang cảm giác sống trong một xã hội thanh bình. Nhưng rồi tiếng pháo lắng dịu. Người dân thành phố bắt đầu nghe tiếng súng nổ tiếp theo. Và đêm đêm ánh sáng hỏa châu lập lờ trên vòm trời thành phố.

Đất nước cười hay khóc? Chưa chắc là ở chỗ đó. Tự dưng người thành phố hát lại một câu hát xa xôi :

Đất nước buồn theo tiếng võng đưa.

LONG ĐIỀN

Xin nồng-nhiệt giới-thiệu cùng độc-giả :

TỜ ĐUỐC TỪ-BI hiện phát-hành đến 20.000 (hai chục ngàn) số mỗi tháng và đang tăng lên hơn. Ra cả ngoại quốc.

NHẬN-ĐỊNH

● Bài của LÊ DUY-TÂM

Tiếp-tục hành-trình đi tìm lại dân-tộc trong sự xáo-trộn đến tận cội-rễ của xã-hội ta hiện-tại, hôm nay chúng ta phóng cái nhìn về một số lãnh-vực sinh-hoạt khác đang diễn ra trước mắt mọi người. Những nhận-định của chúng ta không nhằm công-việc tiêu-cực là chỉ-trích không-nhưng, mà nhằm đi tìm một hướng thoát ra vũng bùn lầy đang bao-vây lấy chúng ta và biến chúng ta thành một nước lạc-hậu như ở Đông-Nam-Á. Không biết mình thì không thể tự-cứu, biết mình mà không gây thành một ý-thức bèn-nhảy và một trào-lưu phổ-biến để huy-động mọi người vào công-việc tự-cứu thì cũng chỉ là một cái biết hạn-hẹp, tĩnh và ít giá-trị thực-tiễn. Thành-thực mà nói một xã-hội bình-hoạn cần đến hai loại người : người lý-thuyết và người thực-hiện. Công-việc của họ ảnh-hưởng lẫn nhau, soi sáng lẫn nhau để cho đường-hướng đã hoạch-định lúc nào cũng được duy-trì và mục-tiêu lúc nào cũng được sáng-tỏ. Cho nên nếu cái biết của chúng ta chỉ là một món trang-sức huê-dạng cho đời sống tinh-thần của một thiểu-số có đủ hành-trang trí-thức thì giá-trị của nó đối với cộng-đồng dân-tộc rất đáng cho ta ngờ-vực. Để cho dùng uổng-phi năng-lực trí-óc mà dân-tộc chúng ta đang có, những kiến-thức và lý-thuyết của học-giới phải được phiên-dịch ra hành-động cải-thiện xã-hội và cứu-vãn dân-tộc. Trong ý-hướng đó chúng ta hãy cùng nhau dẫn bước trên hành-trình đi tìm lại con người Việt-Nam để phục-vu

nó, biết rằng giấy mực đã viết nhiều mà hành-động vẫn chưa được là bao.

Lãnh-vực đầu-tiên chúng ta sẽ tìm đến là thái-độ của một số ít nhiều người Việt đối với người ngoại-quốc như là người da trắng. Nói một cách tổng-quát, thái-độ này mặc hai hình-thức hoàn-toàn đối-ngịch tùy theo hoàn-cảnh. Hình-thức thứ nhất là sự quy-lụy, sợ-sệt, nể-nang, như là trước sự hiện-diện của ngoại-kiều; hình-thức thứ hai là sự nguyên-rửa, bài-xích, miệt-thị, như là sau lưng ngoại-kiều. Nhiều khi cả hai hình-thức đều thấy được trong cùng một người nhưng vào những lúc khác nhau. Thái-độ quy-lụy có lẽ đã bắt nguồn từ thời-kỳ người Pháp nhân-danh văn-minh đến « khai-hóa » nước ta bằng cách trồng lên đầu chúng ta một nền thống-trị mà tàn-tích vẫn còn sống ngắc-ngỏi cho đến ngày nay. Đó là một thái-độ của nô-bộc đối với chủ-nhân-ông, một thái-độ tự phủ-nhận để làm vừa lòng ngoại-nhân mà không kể đến giá-trị nội-tại của mình hay của người. Trong 80 năm nô-lệ nếu có người ôm lấy thái-độ nô-dịch đó thì cũng không có gì là khó hiểu vì nước ta đã khuất-phục trước uy-vũ của một văn-minh kỹ-thuật cao hơn. Điều khó hiểu là kể từ lúc người Việt-Nam đã đánh bại được nền văn-minh đó một số trong chúng ta vẫn hình như còn tin vào huyền-thoại về sự cao-đẳng của giống Caucasiens tức là người da trắng. Ngay tại Saigon ta thấy những anh lính gác cửa các sở ngoại-kiều hẳn-học nhìn đồng-bào của mình đi bên ngoài như thể họ là những người nguy-hiêm có thể làm hại đến sở-hữu-chủ ngoại-kiều của mình. Người Việt-Nam tưởng như đã sống trên đất địch ngay trên chính quê-hương mình ! Không có mấy cửa ngõ ở Việt-Nam mà ngoại-kiều không vào được, và giấy thông-hành của họ hình như vồn-vẹn chỉ là màu da lạt và lỗ mũi cao. Ở một nơi khác người ngoại-kiều đến sau được tiếp-đón niềm-nỡ và trước hơn những người Việt-Nam khác đã đứng đợi từ lâu. Đó là một hiện-tượng mỉa-mai, hiện-trọng kỳ-thị trong đó chủ-đã đồn-nén chủ đề « đãi-ngộ »

khách. Rồi trong một hoàn-cảnh khác, dĩ-nhiên là khi vắng bóng ngoại-kiều, ta nghe được những lời mạt-sát thậm-tệ chính những người vừa được đãi-ngộ làm khách. Chúng ta có thể tự hỏi tại sao chúng ta không đặt con người — bất-luận màu da — vào đúng vị-trí của nó trong các mối tương-quan giữa người và người ?

Để giúp chúng ta xác-định lại vị-trí của con người, và rộng hơn, của các dân-tộc trong các mối tương-quan nhân-loại, chúng ta hãy tìm đến các nhà nhân-loại-học và dân-tộc-học. Theo ý-kiến đa-số các nhà nhân-loại-học trên thế-giới, trừ những người đã bị thiên-kiến vì lý-do chánh-trị như một số học-giả Đức và Nhật trong Thế-chiến II, thì cho tới nay người ta chưa tìm được phương-pháp để chứng-minh một cách xác-đáng sự liên-quan giữa chủng-tộc và năng-khiếu tinh-thần. Nói một cách khác người ta chưa chứng-minh được rằng các dân-tộc da trắng có nhiều khả-năng thiên-phú hơn các dân-tộc da đen chẳng hạn. Nếu trong từ-điển bách-khoa người ta thấy có nhiều tên người Âu-châu hơn là người Phi-châu thì sự-kiện đó cũng không chứng-minh được người da-trắng thông-minh hơn người da-đen. Bởi lẽ muốn so-sánh năng-khiếu trí-thức của hai dân-tộc thì phải loại bỏ sự bất-đồng của các ảnh-hưởng ngoại-lai, nghĩa là những ảnh-hưởng không dính-liu gì đến sự di-truyền, như hoàn-cảnh địa-lý, hoàn-cảnh văn-hóa, và hoàn-cảnh kinh-tế. Người ta tự hỏi dân Dinka trần-trụi đứng một chân nhìn dòng sông Nil trôi qua Soudan sẽ làm được gì nếu được nuôi-nấng từ nhỏ như những trẻ con Đan-mạch và được sống trong khí-hậu của miền ôn-đới. Cũng như người ta nghĩ nếu dân Đan-mạch phải sống trong khí-hậu nóng, giữa cỏ cao và theo một nếp sống thôn-dã thì liệu họ đã làm được gì. Đã có nhiều bằng-chứng rằng các dân-tộc sơ-khai hơn thiếu-kém về khả-năng trí-thức để sinh-hoạt theo văn-minh hiện-đại. Ví-dụ thổ-dân Úc-châu sau một thế-kỷ va-chạm với người da trắng vẫn còn săn thú bằng những mũi tên của thời đồ đá thay vì cố-gắng một cách tối-thiểu là đi mua một cây

súng của người da trắng. Hình như sự sáng-tạo duy-nhứt của họ là đã thay-thế đá bằng miếng chai để làm đầu mũi tên. Một trường-hợp khác là các thổ-dân trên cao-nguyên xứ Equateur đã giữ nếp sống cũ của họ sau gần bốn thế-kỷ sống gần người da trắng. Những nhà nhân-loại-học cho đó là sự bền-bỉ của các sắc-thái văn-hóa. Ta cũng có thể nói rằng sự chậm tiến của họ một phần là vì họ thiếu-kém khả-năng thiên-phú cá-biệt cho chủng-tộc của họ. Tuy-nhiên ta cũng thận-trọng mà không kết-luận rằng một nền văn-minh lạc-hậu gắn liền với sự thiếu-thốn di-truyền của năng-khiếu trí-tuệ bẩm-sinh. Kết-luận đó chỉ hợp-lý khi nào một dân-tộc lạc-hậu sống gần một hình-thái văn-minh tiến-bộ hơn vẫn không vay-mượn được yếu-tố nào của nền văn-minh đó trong một thời-gian lâu-dài. Trong trường-hợp của thổ-dân Equateur có thể sự nghèo-đói đã làm cho họ thất-bại trong sự tiến-bộ của mình. Mặt khác những người thuộc các sắc dân khác nhau khi đã được đặt vào cùng một môi-trường như nhau thì đại-đề họ đã phát-triển được trí thông-minh của họ vào một trình-độ suýt-soát ngang nhau.

Các nhà nhân-loại-học đã nhận thấy rằng trong những sắc-tộc khác nhau đều hiện-diện những bằ-m-tính và trình-độ trí-tuệ như nhau. Do đó một người Pháp dần-độn cũng dần-độn không kém một người Congo dần-độn hay một người Tàu dần-độn chẳng hạn. Sự khác-biệt giữa các nền văn-minh chỉ chứng-minh rằng nhân-loại đa-năng và đã tiến-hóa một cách phong-phú theo nhiều chiều-hướng khác nhau, mà không nhứt-thiết chiều-hướng nào cao-đẳng hơn cả. Mỗi nền văn-minh đều có những sắc-thái đặc-thù của nó mà nhân-loại đều có thể học-hỏi được, cũng như mỗi nền văn-minh đều có những khía-cạnh xấu-xa mà nhân-loại cũng có thể tránh được. Những nhà nhân-loại-học Tây-phương nghiên-cứu về các dân-tộc được mệnh-danh là « sơ-khai » đã phải thân-phục thành-tích của các dân-tộc đó và phải từ-tồn mà nhận rằng sự khác-biệt giữa các nền văn-minh đúng ra là do nhiều hoàn-cảnh tạo thành :

hoàn-cảnh địa-lý, văn-hóa, lịch-sử, xã-hội, chứ không phải do chủng-tộc. Nếu trong lịch-sử người ta đã chứng-kiến nhiều sự chinh-phục của một nền văn-minh tiến-bộ đối với một nền văn-minh chậm-tiến thì cũng có lúc một nền văn-minh kém tiến-bộ đã chinh-phục được một nền văn-minh tiến-bộ hơn. Đó là trường-hợp của những rợ Goth, Vandal, Burgundian đã xâm-xé Đế-quốc La-mã miền Tây và khiến cho Đế-quốc này suy-vong kể từ năm 476. Cũng như chính Đế-quốc này đã suýt bị tiêu-diệt bởi rợ Hung-nô dưới sự lãnh-đạo của Attila nếu y không bị thất-trận năm 451 tại Châlons-sur-Marne khi Aetius ra chống lại y với một đoàn quân ô-hợp. Để trở về với sự hơn kém của các chủng-tộc chúng ta có thể nghĩ rằng những khối óc siêu-việt như Leonard de Vinci, Newton, Einstein có lẽ đã không làm gì được nhiều nếu họ đã sinh-trưởng giữa những người Papou hay Maori và có lẽ cũng đã đóng khổ, xãm mình như bao nhiêu người khác trong xã-hội họ. Đó là một sự-kiện mà có lẽ nhiều người Việt-Nam du-học đã nhận thấy và muốn tránh khi họ từ-chối trở về nước sau khi tốt-nghiệp.

Nhận-xét cuối-cùng này đã dẫn chúng ta đến một vấn-đề khác cũng liên-quan đến thái-độ đối với ngoại-quốc nói trên. Đó là tinh-thần hương-ngoại của một số người trong chúng ta. Nếu không e-ngại bị gán cho danh-hiệu không mấy đẹp-đẽ là bài-ngoại hay quốc-gia hẹp-hòi hay ngu-xuẩn thì chúng ta có thể nhận-xét rằng tinh-thần nói trên không có gì lành-mạnh cho lắm. Một số ít trong chúng ta, sau khi du-học trở về, dường như đã thay-đổi hành-vi của mình để hòa-đồng vào nền văn-hóa ngoại-quốc mà mình đã được học-hỏi, và có lẽ cũng để cho những người khác chưa từng xuất-dương đừng nghĩ lầm rằng ai cũng như ai. Nếu du-học không phải là một cái tội thì nó cũng không phải là một cái cơ để tự-chối-bỏ. Không ai bắt-buộc người du-học phải hành-động như một người lai-căn hay đại-diện cho nền văn-hóa ngoại-lại, vì thật ra không ai có thể đại-diện cho văn-hóa của xứ mình hơn chính mình được. Tôi

không chối rằng từ ngoại-quốc đặt chân trở về Việt-Nam, người ta không khỏi cảm thấy thất-vọng mặc-dầu biết rằng bộ mặt của đất nước không thể thay-đổi trong một thời-gian ngắn đợc. Và nếu ta không đề-phòng, cảm-giác thất-vọng đó rất dễ đưa đến sự phủ-nhận môi-trường văn-hóa của mình và thúc-dẩy mình đi tìm cách hòa-đồng vào nền văn-hóa tiện-nghi mình vừa mới từ-giã kia. Do đó nảy ra tình-trạng thiếu thông-cảm hoặc từ-chối thông-cảm giữa những người trở về và những người ở lại. Bi-kịch của chúng ta là sau khi đã lên cao chúng ta không muốn hay không thèm nhìn xuống nữa, khiến cho cái hố giữa chúng ta và phần còn lại của dân-tộc càng ngày càng rộng, càng sâu. Sự hướng-ngoại càng làm cho chúng ta thỏa-mãn nếp sống riêng-tư bao nhiêu thì càng khiến chúng ta mù-tối trước thực-trạng của dân-tộc bấy nhiêu. Cho đến một lúc nào đó chúng ta đứng-dung trước cái khổ chung của những người chung-quanh mà chỉ còn nghĩ đến thân mình và những quyền-lợi hay tiện-nghi mà ta cho rằng cái học của chúng ta xứng-đáng đợc hưởng. Hướng-ngoại tự nó không phải là một tội, mà tội hay không đều nằm trong ý-hướng của mình. Nếu hướng-ngoại là sự biểu-lộ của tinh-thần cầu-tiến, của ý-định thâm-thái tinh-hoa các nền văn-minh đem về phong-phủ-hóa văn-minh đất nước, thì đó là thái-độ minh-triết, khai-phóng và sáng-suốt. Nhưng nếu hướng-ngoại để tự tạo một đời sống vật-chất tiện-nghi, cá-nhân chủ-nghĩa, khác biệt hẳn với đời sống của 80% dân-tộc thì đó là một thái-độ không những nông-cạn mà còn nguy-hiêm, nguy-hiêm vì sự chênh-lệch kinh-khủng giữa những người « có » và những người « không có ». Chúng ta muốn biết sự nguy-hiêm đó trầm-trọng như thế nào thì chỉ cần tưởng-tượng một xã-hội gồm gần 80% sống ở thôn-quê thiếu mọi thứ cần-dùng, thiếu thuốc men, thiếu học-thức và phần còn lại sống ở thành-thị, trong số đó một ít đợc hưởng những tiện-nghi thuộc hạng trung-lưu trong một xã-hội Tây-phương hay cao hơn nữa. Và giữa lúc đó thì giới trí-thức, đáng lẽ phải điều-khiển sự

phục-hưng và canh-tân xã-hội, đã hoặc bắt-lực, hoặc buông-xuôi, hoặc thờ-ơ. Dĩ-nhiên sự thay-đổi, tôi muốn tránh chữ « cách-mạng » đã bị cưỡng-bức quá nhiều, sự thay-đổi phải đến từ một trong hai cực : hoặc từ trên xuống dưới hoặc từ dưới lên trên. Dù từ cực nào đến, nếu bên khởi-xướng sự thay-đổi không kết-nạp đợc sự hợp-tác của cực đối-diện thì sự xung-đột xảy ra và phía đối-diện sẽ là một phản-động-lực. Đó là một tình-trạng nguy-hiêm, nhưt là khi sự xung-đột đã mặc hình-thức một cuộc thánh-chiến quốc-tế trong đó quyền-lợi của những phe lâm-chiến không thiết-yếu có liên-quan gì đến quyền-lợi của dân-tộc Việt-Nam.

Nhìn qua lãnh-vực giáo-dục một quan-sát-viên nông-cạn đến đâu cũng nhìn thấy một tình-trạng vô-cùng khó-khăn. Chương-trình học của chúng ta cho đến nay đại-đề cũng chỉ là một phò-bản của cái chương-trình thuộc-địa thời Pháp, với một vài thay-đổi như chuyên-ngữ Việt tại cấp tiểu và trung-học và vài phân-khoa đại-học ; sử, địa và văn-chương Việt-Nam đã chiếm lại những giờ trước đây dành cho cùng những môn ấy nhưng liên-quan đến nước Pháp và vài canh-tân lũng-củng khác như một môn công-dân giáo-dục phục-vụ chánh-trị đương-thời. Giáo-chức và trường học thì thiếu-thốn, cũng như dụng-cụ phòng thí-nghiệm và huấn-cụ. Mỗi năm sĩ-số học-đường tăng thêm mà trường học thì hoặc không tăng hoặc tăng một cách chậm-chạp khiến cho số học-sinh trong mỗi lớp quá lớn không thể dạy đợc. Ở cấp tiểu-học tại Đô-thành trường mở ba xuất đề thu-hút thật nhiều con em mà vẫn không đủ sức thâu-nạp khiến cho một số lớn phải tìm trường tư. Tại cấp trung-học sĩ-số trong nhiều lớp trường tư lên đến 100 hoặc 150, thành-thử giáo-sư đâu có can-đảm đến đâu cũng thấy không duy-tri nổi trật-tự để dạy. Trong những lớp đông như vậy một giáo-sư Anh-văn muốn áp-dụng phương-pháp ngữ-học (tức là nghe và nói) thấy mình bị lạc-lỡng và bắt-lực, vì phương-pháp này không thể áp-dụng đợc cho một lớp có đến 100 học-sinh. Rồi lại ông

đành phải dạy theo phương-pháp cổ-truyền tức là dạy rất nhiều văn-phạm Anh (dĩ-nhiên là bằng tiếng Việt) và dạy đọc và viết; rồi cầu-nguyện cho một phép lạ xảy đến khiến cho học-sinh nói được, hiểu được cái ngôn-ngữ có cách phát-âm lạ-lùng kia. Những sách-vở bằng tiếng Việt nghiên-cứu về mọi ngành rất hiếm khiến cho kiến-thức của học-sinh bị hạn-chế trong các sách giáo-khoa. Sách tiếng Pháp và tiếng Anh thì tạm đủ nhưng ngoại-trừ các học-sinh trường Pháp, ít có học-sinh nào đủ khả-năng sinh-ngữ để sử-dụng được. Tình-trạng thiếu sách này còn trầm-trọng hơn nữa ở cấp đại-học, nơi mà các sinh-viên kém sinh-ngữ đành phải bằng lòng với bài giảng-khoa và không thể đào-sâu thêm môn học của mình. Sự-kiện này có lẽ một phần do sự khiêm-tốn của các giáo-sư, một phần vì nhu-cầu sách không dồi-dào lắm, trong lúc nhà in muốn ấn-hành mỗi lần mấy ngàn cuốn mới có lời. Một trở-ngại lớn khác vẫn chưa vượt qua được là sự san-định lại các danh-từ khoa-học, triết-học, và nhiều khoa chuyên-môn khác. Mỗi vị giáo-sư sử-dụng một ngữ-vựng riêng-biệt, cho nên nhiều khi một từ-ngữ Pháp hay Anh được phiên-dịch ra nhiều từ-ngữ Việt khác nhau, gây phiền-toái vô-ích. Dĩ-nhiên việc thống-nhất danh-từ đã được nghĩ đến và nói đến rất nhiều và từ lâu rồi, nhưng cho đến nay chúng ta vẫn còn dậm chân mà chưa đi tới. Những sáng-kiến cá-nhân đã được ghi-nhận trong lãnh-vực này qua nhiều từ-điển chuyên-khoa, nhưng chúng còn chờ-đợi sự chấp-nhận vô-điều-kiện của toàn-thể học-giới.

Liên-quan đến giáo-dục là thái-độ của thanh-niên học-đường đối với giáo-sư, những người mà kiến-thức, lương-tâm và vai-trò trong xã-hội đáng lẽ phải đặt vào một vị-tri khá-kính và quan-trọng. Ngày nay với sự thương-mại-hóa tất cả — từ tình yêu đến giải-tri — nghề mô-phạm cũng đã một phần bị thương-mại-hóa luôn. Những bằng-quảng-cáo vô-lý như « Học Anh-văn nói được và viết được trong 3 tháng », « Luyện thi bảo-đảm, không đậu hoàn tiền

lại » nhan-nhân như thể những bằng-quảng-cáo các món hàng khác mà người ta thường thấy ở ngoại-quốc như « Bảo-đảm quý-vị sẽ hài lòng, nếu không xin hoàn tiền lại » (Satisfaction guaranteed, or money back). Ngoài ra còn những lối đôn hai ba lớp vào một, như Tam-Nhị, Ngũ-Tứ, dường như hễ đôn lớp lại thì dạy mau giỏi hơn. Tất cả những sự dễ-dãi để giúp học-sinh đó tạo một cảm-giác rằng học-sinh không cần phải rón rức, chỉ cần đến trường thì được rớt kiến-thức vào như thể rót rượu vào bình vậy. Khi được nuông-chiều như khách-hàng, học-sinh tự-nhiên đứng vào địa-vị người bảo-trợ cho sự thịnh-vượng tài-chánh của trường học và do đó tự thấy họ có quyền đòi-hỏi nhiều điều mà kinh-nghiệm, sự trưởng-thành, và kiến-thức của họ chưa cho phép lo tới. Kỷ-luật trở nên lỏng-lẻo, vẻ tôn-nghiêm của học-đường mất đi mà không-khi dân-chủ cũng không thấy đến. Thái-độ của học-sinh đối với giáo-sư mất vẻ tôn-kính, đôi khi còn tỏ ra hỗn-láo một cách vô-ý-thức. Đức-dục của học-sinh ít ai thực-sự chú-tâm đến, cho nên đã xảy ra những chuyện trò đánh thầy, hay hăm-dọa, hay phá-phách. Trong một xã-hội thái-bình nếu sự xung-đột giữa các thế-hệ không tránh được thì trong một xã-hội loạn-lạc sự xung-đột đó càng mãnh-liệt hơn và đau-nhức hơn. Mỗi thế-hệ đều cho rằng chính mình mới trong-sạch, lý-tưởng, và mỗi thế-hệ trẻ thường cho thế-hệ đàn anh mình là thối-nát, hủ-lậu, chỉ đáng cho vào bảo-tàng-viện như một món đồ cổ lạ-lùng. Có lẽ chúng ta cũng nên nhớ rằng những sự thay-đổi lớn đều do kinh-nghiệm và những khối óc già-dạn khởi-xương và hoạch-định chứ không phải do những bàn tay non-nớt háo-thắng làm ra. Cho nên khi chúng ta chứng-kiến sự xung-đột giữa học-sinh và giáo-sư ta có thể tự hỏi thái-độ của học-sinh là có ý-thức hay vô-trách-nhiệm. Dĩ-nhiên nếu sự xung-đột giữa các thế-hệ đều khích-động mọi người đi tìm chân-lý và thoát khỏi nhãn-quan nông-cạn của mình thì không có điều gì đáng nói. Điều đáng lo-ngại là sự xung-đột đó có thể làm phân-hóa thêm một xã-hội đã phân-hóa

đến cùng-cực rồi, và làm suy-yếu thêm khả-năng tự-tồn của xã-hội đó. Nếu tin rằng chiều-hướng tiến-hóa tự-nhiên là chiều-hướng đi lên thì bất-cứ một xã-hội nào cũng dồ-dẫm một thế quân-bình nội-tại của nó bằng cách xê-dịch, thích-ứng, ma-sát, xung-đột. Nhưng khi xung-đột đã tiến đến một giai-đoạn bùng nổ, tiềm-lực của xã-hội sẽ giảm-sút và trật-tự bị phá-vỡ. Đó là lúc mà những con người đồ-điều thành-công dễ-dàng và những con người có suy-nghĩ cảm thấy đau-nhức. Đó cũng là lúc dễ mất nước.

Một câu hỏi lớn nhứt mà người biết suy-nghĩ đã tự hỏi mình và còn xao-xuyến vì câu trả lời là « Chúng ta đã làm gì cho gần 80% đồng-bào chúng ta ở nông-thôn? » Đó là một vấn-đề đã đè nặng trên ý-thức của những người có suy-tưởng và làm đau-nhức những người còn lương-tâm. Nhiều người trong chúng ta đã cố tránh phải trả-lời câu hỏi đó và tìm lối thoát dễ-dãi trong thái-độ « một mình tôi thì làm gì được ». Nếu chúng ta nhìn lại lịch-sử cận-đại thì chỉ thấy những nét chấm-phá về nông-thôn, nơi mà mọi người Việt-Nam đều cho là chứa đựng nguồn thơ rào-rạt, đầy thanh-bình và thú-vị. Chính nơi đây là nơi phát-xuất ra những tinh-tự phong-phú của một nếp sinh-hoạt đồng-áng hiền-hòa, bình-dị, ngậy-thơ mà các câu ca-dao còn gói-ghém hương-vị thơm mát nhẹ-nhàng như :

*« Hôm qua tát nước bên đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen... »*

Nhưng cũng chính những câu ca-dao này còn phản-ảnh một sự tranh-đấu bền-bỉ với thiên-nhiên để sống như :

« Lạy trời mưa xuống... »

hay : *« Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề,*

Trông trời, trông nước, trông mây... »

Dĩ-nhiên văn-thơ ít khi nói đến sự cơ-cực của nghề nông và lịch-sử cũng ít khi ghi-chép sinh-hoạt của những

người dân lam-lũ ở nông-thôn, nên mỗi lần nói đến nông-thôn chúng ta nghĩ đến một thế-giới xa-xôi, thơ-mộng, có gió mát trăng thanh, có tiếng hò giã gạo, có tiếng mục-đồng hát nghêu-ngao trên đường về, có gái trai ca-hát vui đùa, nghĩa là tất cả những hình-ảnh đẹp, huyền-ảo, tuyệt-diệu mà tâm-hồn chúng ta cần có trong những giây-phút thoát-trần. Chúng ta đã quên hay đã không biết tới sự thật phía sau những hình-ảnh thi-vị-hóa kia. Cho đến gần đây đồng-bào nông-thôn đã sống trong lao-tù của sự thất-học, binh-tật, thành-kiến, thói-tục lỗi-thời, mê-tin, thiếu-thốn, giữa lúc phần lớn thế-giới đang tiến nhảy-vọt vào thời-đại không-gian. Trong những năm gần đây tình-cảnh của họ còn bi-đát hơn nữa. Trong lúc hầu hết nhân-loại đều hưởng được những tiến-bộ khoa-học của thế-kỷ 20, thì những tiến-bộ này đã đến với họ dưới hình-thức bom, đạn, thuốc khai-quang. Trong lúc những chiếc máy bay phản-lực Boeing 707 chuyên-chở hàng trăm hành-khách từ lục-địa này qua lục-địa khác thì hằng đàn máy bay quái-dãn đến chuyên-chở họ từ thế-giới bên này sang thế-giới bên kia. Hoa-màu họ trồng-trọt bị khói lửa thiêu-hủy, khi họ làm việc đồng-áng sắt thép rơi bừa-bãi trên đầu họ, nhà cửa siêu-veo của họ bị phá sập, làng-mạc họ bị cày nát. Trong lúc đó chúng ta, tự nhận lo cho dân, và đang sống trong an-ninh của đô-thị, đòi-hỏi phải có xe hơi, nhà ở và phòng làm việc có máy lạnh và những người phục-dịch mới làm việc được cho dân. Phải thú thật, cho đến nay những người trí-thức chưa thực-sự nghĩ đến nông-thôn và thực-sự làm gì để giúp-đỡ đồng-bào nơi đó. Đôi khi chúng ta còn nhìn họ như những người khách lạ, tình-cờ được ở trên mảnh đất được gọi là Việt-Nam. Giữa ta và họ không có một mối dây tình-cảm thắm-thiết nào, không một thông-cảm nào. Một số trong chúng ta trong thâm-tâm đã nghĩ rằng người dân quê làm sao sánh kịp về kiến-thức với những người đã từng dẫm chun trên đại-lộ Fifth Avenue hay ngất-ngưỡng trên tầng thứ 86 của nhà lầu chọc trời Empire State Building. Thái-độ tự-cao của những

người này đã khiến cho họ thấy xấu-hổ khi phải gọi người nông-dân là đồng-bào, cho nên khi họ nói đến lo cho dân người ta bắt đầu suy-nghĩ.

Sự chênh-lệch giữa hai nếp sống nông-thôn và đô-thị là một tình-trạng nghịch-lý đối với một nước chậm tiến. Tại đô-thị một thiểu-số giàu sang lắm khi quên mất dân-tộc và ít khi nghĩ tới quyền-lợi quốc-gia. Tại nông-thôn người dân khốn-cùng thiếu ăn thiếu học cũng ít khi nghĩ đến quốc-gia nhưng còn nghĩ đến làng-mạc, thôn-xóm. Hằng ngày họ sống trong hãi-hùng của chiến-tranh, mà vẫn phải đi làm công-việc cày-cấy. Khi chiến-tranh đến thì một số ngã gục, số còn lại chôn họ trong tiếng khóc vì tình thương rồi tiếp-tục cày-cấy như không biết đến chiến-tranh. Họ là những con người cần-cù, can-đảm, im-lặng. Từ trên máy bay nhìn xuống họ là những con người vô-nghĩa, những cái bóng mà một viên-đạn quật-ngã một cách vô-tri. Nhưng chính họ làm thành quốc-gia chúng ta trong bao nhiêu thế-kỷ, và đã từng đánh đuổi được ngoại-xâm từ quân phương Bắc đến quân phương Tây. Họ là những người đầu-tiên hy-sinh trong các ba-động của thời-cuộc, và là những người bị đồng-bào của họ tại thành-thị hy-sinh để làm giàu. Họ đã bị dối-gạt, lợi-dụng, cưỡng-bức không nương tay dưới nhiều hình-thức và nhân-danh nhiều lý-do. Họ sống, làm việc để nuôi một số thị-dân thờ-ơ với thân-phận của họ. Họ không được hưởng tình thương của đồng-bào thành-thị, cũng không được hưởng trọn- vẹn những gì chúng ta muốn cho họ hưởng. Con-cái họ cũng không có hy-vọng và cơ-hội để vươn lên trên mực sống của cha ông. Cứ thế từ thế-hệ này sang thế-hệ khác, người dân quê Việt-Nam sống trong thôn-ấp ngưng-đọng với di-sản cũ-kỹ. Những kẻ thù truyền-kiếp của nhân-loại — binh-tật, thất-học, mê-tín — kiểm-hãm họ trong một đời sống lạc-hậu đen-tối. Giáo-dục quần-chúng chỉ là một danh-từ dùng trên giấy và nghe rất kêu trong vô-số buổi hội, đại-hội, hội-thảo, chứ không phải là cái gì quan-sát được. Những

hoạt-động y-tế thì rất đẹp trên các bích-chương, nhưng nơi thôn-quê những chứng bệnh dễ chữa như sốt-rét cũng có thể nguy đến tánh-mạng. Ngoài ra, nạn cường-hào ác-bá trong làng-mạc khiến cho bất-công xã-hội càng khắc-nghiệt, và khiến cho đời sống nơi đây đã cơ-cực lại càng ngột-ngạt khó thở hơn. Giữa lúc đó thì nếp sống đô-thị ra sao ?

Một số người hấp-thụ được nền giáo-dục Tây-phương và một số những người giàu-sang theo-đuổi một đời sống không thích-hạp với một nước nghèo và yếu. Đô-thị là nơi tiền-bạc ngự-trị,

Con người đã phải tạ-ơn Thương-đế khi tìm được những ốc-đảo của tình thương, ý-thức và lương-tâm. Có những con người mà nếp sống đòi-hỏi phải có những buổi dạ-vũ, yến-tiệc, lễ sinh-nhật, lễ liên-hoan, xe hơi, đàn-bà đẹp, phòng-lạnh, biệt-thự. Có những con người mà phong-thái gồm những cái cười « đồng hộp » (khi nào cần thì khai ra), cái khúm-núm trước người trên, cái xu-nịnh quyền-thế, cái cau mày hách-dịch đối với người dưới, cái gian-trá lộ-liều hay kín-đáo. Có những con người nói đủ thứ, hứa đủ thứ, mà không làm gì. Có những con người âm-thầm làm việc mà không nói gì. Ít người thực-tâm lo cho đất-nước. Đó là những lương-tâm cuối-cùng của một xã-hội vắng người. Ngày xưa tại Cổ Hy-lạp Diogène xách đèn đi tìm một người lương-thiện giữa ban ngày và bị gọi là khuyên-nho. Ngày nay hoặc tất cả mọi người là khuyên-nho hoặc không ai là khuyên-nho cả, vì hành-trình đi tìm con người không cần-thiết nữa.

Tôi xin kêu-gọi đến những người Việt còn lương-tâm.

LÊ DUY-TÂM

Sau biến động Tết Mậu Thân

Vài lời ngỏ cùng Bạn Đọc

Vụ biến động Tết Mậu Thân còn làm xáo trộn trong một thời gian dài nếp sống hằng ngày và lẽ lối tư tưởng của mọi tầng lớp nhân dân. Từ thành thị đến thôn quê hẻo lánh nhứt, mọi người, không chừa ai, đều bị bắt buộc vùi đầu tư lự, suy tính đê đối phó với thời cuộc từng giây từng phút. Người ta vừa không có thời giờ nhứt là không còn lòng dạ nào, ngồi yên tra cứu những bài nói về chánh tả coi tiếng «sác» trong từ ngữ «rừng sác» viết t hay c, hoặc nữa, ngồi đọc những bài khảo cứu tà tà khô khan không dính nứ gì đến đại cuộc của quốc gia. Nhóm nguyệt san Đồng-Nai Văn-Tập duyệt lại toàn bộ chủ trương để phù hợp với hiện tình của đất nước và để phục vụ Bạn Đọc một cách thiết thực hơn.

Hơn nữa phải nói lớn rằng kiểm duyệt bây giờ gắt gao quá, điều đó làm tê liệt sinh hoạt tâm trí nhân dân miền Nam, một điều hại mà quốc gia sẽ phải gánh chịu nặng nề và sẽ phải trả bằng một giá rất đắt.

Kể từ quyển 16 này, Đồng-Nai Văn-Tập, TAM THỜI trong vài số báo, không ra 148 trang, mà mỗi số chỉ có 32 trang. Mỗi số sẽ không có nhiều bài. Mỗi số sẽ đặt một vấn đề «nóng hổi» về thời cuộc liên quan đến bản thân của các Bạn Đọc, của các tầng lớp nhân dân. Những An Cư, Hồ Đắc Thăng, Lê Duy Tâm, Phạm Long Điền, Đông Tùng, Sơn Nam, Kiên Giang Hà Huy Hà, Minh Quân, Việt Thường, Tiểu Nguyên Tử, Lê Thọ Xuân, Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Thanh Liêm, Huỳnh Phú Hiệp, Trần Văn Linh..... sẽ cống hiến những VẤN ĐỀ TÂM HUYẾT, BẠO DAN đến mức LIỄU MÌNH, XẢ THÂN với quốc gia dân tộc. Mỗi số nguyệt san Đồng-Nai Văn-Tập sẽ là một cuốn sách nhỏ, rất chọn lọc, duy nhứt tại miền Nam, thể hiện cho THỜI ĐẠI VĨ ĐẠI này của dân tộc Việt nam.

Chừng nào đời sống trở lại bình thường, nguyệt san Đồng-Nai Văn-Tập sẽ ra lại 148 trang, chừng đó những bài đăng dở dang sẽ đăng tiếp cho đến hết. Tam thời thì xin gác lại.

Nguyệt san Đồng-Nai Văn-Tập quyết tâm hơn bao giờ hết sống chết cho quốc gia dân tộc.

AN CƯ

Librairie KHA-TRÍ
82, Bd. Lê Lợi, SAIGON

Xin dùng SẢN PHẨM do VIỆT-TÂN HÓA PHẨM CÔNG-TY SẢN XUẤT

Hiệu BẠCH-HOÀ

BỘT GIẶT (DÉTERGENT)

THUỐC GỘI ĐẦU

BỘT RỬA SẠCH

XÀ BÔNG "ÉPONGE" THƠM

HÀNG VẢI CÁC LOẠI ĐƯỢC BẢO ĐẢM

KHÔNG GÀU KHÔNG NGƯA

CHÉN DĨA SẠCH BÓNG

DỤNG CỤ NHÀ BẾP NHÀ TÂM SANG NHƯ MỚI

TỔNG PHÁT HÀNH SANH-XƯƠNG 98, LÊ QUANG LIÊM CHOLON Đ.T.: 37096

XUỐNG: 415, LỤC TỈNH CHOLON

Xưởng kỹ nghệ

CHẨN NGUYỄN

SỐ 817, ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI (CHỢ LỚN)

Điện thoại số 37.197

chuyên làm GIÀY bằng nhựa hóa học